

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

V/v ly hôn giữa chị H, anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Vũ Lực

2. Ông Nguyễn Văn Thề

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST - HNGĐ ngày 12-6-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-7-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị H, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Đội 3, thôn Đông H, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Khắc D, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm 5, thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12-6-2020, bản tự khai ngày 12-6-2020 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Khắc D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V vào ngày 29-3-2001. Sau kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D suốt ngày uống rượu, không chịu lao động, khi uống rượu vào là anh không kiểm soát được bản thân, đánh chửi vợ con. Chị đã nhẫn nhịn anh D rất nhiều để vợ chồng cùng nuôi dạy con nhưng anh D càng ngày càng quá đáng, anh D thậm chí còn đánh chửi, xé sách vở của con, không cho con đi học. Đến tháng 6-2015 chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ để ở huyện Q, thành phố Hà Nội sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Từ thời điểm sống ly thân anh chị không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa, anh D không một lần hỏi thăm con cái.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân trong một thời gian dài nên không có khả năng đoàn tụ gia đình do đó chị H xin được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh D có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25-3-2005. Từ thời điểm anh chị sống ly thân, cháu K ở cùng chị và được chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị H tiếp tục nhận nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Bản thân chị có sức khỏe, hiện nay chị đang làm công nhân may tại huyện Q, thành phố Hà Nội với mức thu nhập là 6.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị H không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-7-2020, bị đơn anh Vũ Khắc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V vào ngày 29-3-2001. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống chung tính tình vợ chồng không hòa hợp, chị H không quan tâm đến anh, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh chửi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Chị H xin ly hôn, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng anh sống ly thân đã lâu nên không có khả năng đoàn tụ gia đình, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25-3-2005, từ ngày anh chị sống ly thân cháu K ở với chị H. Ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 01-7-2020, Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V vào ngày 22-02-2002, trong quá trình chung sống giữa anh D, chị H phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2015 chị H đã đưa con về quê ở huyện Q, thành phố Hà Nội sinh sống. Hiện nay anh Vũ Khắc D đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Xóm 5, thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25-3-2005 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Khắc D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 5, thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Nam Định ngày

22-02-2002, như vậy hôn nhân của chị H và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được với nhau đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Chị H và anh D đã sống ly thân từ tháng 6-2015 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị H và anh D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25-3-2005, hiện nay cháu K đang được chị H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh D cũng đồng ý để con cho chị H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy đảm bảo đủ điều kiện để chăm lo cho cuộc sống cho cháu K, do đó Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25-3-2005 (hiện nay cháu K đang sinh sống cùng chị H) cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cho đến khi cháu K thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Vũ Khắc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tạ Thị H.

Anh Vũ Khắc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Tạ Thị H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001975 ngày 12-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (chị H đã nộp đủ).

Chị Tạ Thị H và anh Vũ Khắc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã V;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm